

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 226/2026/HS-ST
Ngày 27 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng.

2. Ông Lê Văn Công.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Dũng – Thẩm tra viên
Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 5 năm 2026, Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa 102/2026/HSST- QĐ ngày 20/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa 122/2026/HSST- QĐ ngày 06/5/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T, sinh năm 1997 tại Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi ở: 20/2a, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1960 và Phan Thị L, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu H, sinh năm 1997 và có 02 người con tên Nguyễn Trần Khả H1, sinh năm 2018 và Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 05/5/20225; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/7/2025, có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1968, nơi cư trú: số C, đường Đ, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Đỗ Đình M, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn T, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1974, nơi cư trú: thôn Đ, xã S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Ngân hàng TMCP V, địa chỉ: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Đức H2, là nhân viên xử lý nợ ngân hàng, địa chỉ: số A N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

5. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1997, nơi cư trú: ấp N, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số A ấp T, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

6. Công ty TNHH V1, người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Đức T2, địa chỉ: số A Quốc lộ D, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2025, tại số C N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), Phòng C1 phối hợp với Phòng Q3 Công an tỉnh B và Cục Q4 Bộ Q4 kiểm tra hành chính xe ô tô biển số 77E-005.73 do Nguyễn Trung T điều khiển, phát hiện trên xe có 06 người quốc tịch Trung Quốc, gồm: Chen Qingxiao, Zhang S, L, Feng Bin B1, Wang C, Zhao Y không có giấy tờ hợp pháp, có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở Công an làm việc.

Nguyễn Trung T khai nhận: năm 2024, T mua xe ô tô biển số 77E-005.73 để chạy xe dịch vụ. Thông qua mạng xã hội, T kết bạn với người sử dụng tài khoản Zalo, T3 tên “Cherry” (không rõ nhân thân, lai lịch) và tham gia vào nhóm Zalo “VIP - M - T - Tỉnh - 200k 5/6” do “Cherry” làm trưởng nhóm để đăng ký đưa đón khách theo yêu cầu của “Cherry”. Lộ trình đưa đón khách từ tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đi cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh và ngược lại với giá 800.000 đồng/chuyến. Từ khoảng tháng 5/2025 đến tháng 6/2025, T nhận đưa đón khoảng 10 chuyến, chở khoảng hơn 30 người Trung Quốc (không rõ nhân thân, lai lịch) theo yêu cầu của “Cherry”, lần gần nhất là ngày 11/6/2025. Cụ thể:

Khoảng 06 giờ 00 ngày 11/6/2025, T nhận thông tin từ “Cherry” đón 06 người quốc tịch Trung Quốc, giao lại cho người khác để đưa đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh với giá 800.000 đồng, “Cherry” sẽ thanh toán tiền xe sau khi T đón và đưa khách đến điểm hẹn. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, “Cherry” yêu cầu T liên hệ nhà xe T5 tại Số C N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương để đón 06 người quốc tịch Trung Quốc. Khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, người sử dụng số điện thoại 0332068245 gọi Tín đến nhà xe Thọ Mười nhận 06 người Trung Quốc. Sau đó, Tín điều khiển xe ô tô biển số 77E-005.73 chở 06 người này đến cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh. Khi T điều khiển xe đến trước nhà số C N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra, phát hiện T đang chở 06 người quốc tịch Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp gồm:

Chen Qingxiao, sinh ngày 08/7/1993, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 622821199307081911, địa chỉ: số A, tổ L, thôn Đ, trấn Đ, huyện T, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc.

Zhang Shao Kang, sinh ngày 24/5/2003, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 431382200305240194, địa chỉ: tổ N, thôn H, T, thành phố L, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

Liu Bang, sinh ngày 20/8/1992, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 342222199208205815, địa chỉ: Ngụy Đ, Ngụy Đông T Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

Feng Bin B1, sinh ngày 20/01/2004, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 411525200401209517, địa chỉ: tổ Đ, thôn H, xã U, huyện C, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Wang Chao, sinh ngày 10/10/1999, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 413026199910100777, địa chỉ: tổ L, đường T, huyện C, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Zhao Yongxing, sinh ngày 25/10/1985, quốc tịch Trung Quốc, căn cước công dân số 412829198510254977, địa chỉ: số A, thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Quá trình điều tra xác định: Chen Qingxiao, Zhang S, L, Feng Bin B1, Wang C, Zhao Y không có thông tin nhập cảnh, chưa có thông tin vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh trong hệ thống quản lý của Cục Q4. Tất cả 06 người này được một số đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) trên trang mạng xã hội giới thiệu qua Việt Nam tìm việc làm rồi hướng dẫn họ gặp một người Trung Quốc (không rõ nhân thân, lai lịch) dẫn đi bằng đường bộ, nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Sau đó, 06 người này được một người Việt Nam (không rõ nhân thân lai lịch) dẫn đến xe ô tô khách để tiếp tục di chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11/6/2025, T đến nhà xe Thọ Mười đón 06 người này chở lên khu vực cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh, trên đường đi thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy A34 5G, màu xanh lá và 01 điện thoại hiệu Oppo A76, màu đen tạm giữ của Nguyễn Trung T.

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu trắng của Nguyễn Trung T. Chiếc xe trên Tín đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh Thành phố H (V2).

Bản Cáo trạng số 683/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và xác định: bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về xử lý vật chứng: đối với xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander, màu trắng do Nguyễn Trung T đứng tên. Chiếc xe này là tài sản chung vợ chồng của bị cáo và bà Trần Thị Thu H trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay xe đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V. Để đảm bảo quyền lợi cho bà H và Ngân

hàng thương mại cổ phần V đề nghị Hội đồng xét xử trả xe cho bà H. Buộc bà H phải nộp lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe theo mức định giá để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu S A34 5G và 01 điện thoại hiệu Oppo A76 thu giữ của Nguyễn Trung T.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải và mong muốn được xử mức án nhẹ.

- *Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V trình bày:* Ngân hàng TMCP V cho Nguyễn Trung T và vợ là bà Trần Thị Thu H vay tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN2211207301767 ngày 14/11/2022, mục đích vay là để mua xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander và vay số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD2416901793 ngày 16/6/2024, mục đích vay là phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bị cáo Nguyễn Trung T và bà Trần Thị Thu H thế chấp xe ô tô biển số 77E-005.73 cho ngân hàng. Hiện nay bị cáo T và bà H còn nợ ngân hàng gốc và lãi là 169.025.407 đồng (tính đến ngày 10/3/2026). Để đảm bảo thu hồi nợ Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giao xe 77E-005.73, hiệu M2, loại Xpander để ngân hàng xử lý theo hợp đồng thế chấp đã ký kết hoặc giao xe cho bà H để bà H tiếp tục trả các khoản nợ vay tín dụng.

- Bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà H là vợ bị cáo T, năm 2022 bà H có vay người thân bên bà H 150.000.000 đồng, bị cáo T vay 150.000.000 đồng bên người thân bị cáo T và vay Ngân hàng TMCP V 350.000.000 đồng để mua xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander và thế chấp chiếc xe ô tô này cho Ngân hàng. Xe ô tô biển số 77E-005.73 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đang thế chấp cho ngân hàng. Việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà H không biết. Từ ngày bị cáo bị tạm giam thì bà H vẫn trả nợ cho ngân hàng nên bà H xin nhận lại xe. Trường hợp Nhà nước thu hồi xe thì bà H xin được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe bằng hiện vật để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng, bà H đồng ý nộp lại $\frac{1}{2}$ trị xe (phần của bị cáo T) theo định giá để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 11/6/2025, Nguyễn Trung T điều khiển xe ô tô biển số 77E-005.73 của T đón 06 người có quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh trái phép gồm: Chen Qingxiao, Zhang S, L, Feng Bin B1, Zhao Y tại nhà xe T5, địa chỉ C N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) để đưa lên khu vực Cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh theo yêu cầu của người đàn ông (không rõ lai lịch) sử dụng tài khoản mạng xã hội Telegram tên “Cherry”, để lấy 800.000 đồng thì bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra xác định: Chen Qingxiao, Zhang S, L, Feng Bin B1, Wang C, Zhao Y không có thông tin nhập cảnh, chưa có thông tin vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh trong hệ thống quản lý của Cục Q4, họ được một số đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) trên trang mạng xã hội giới thiệu qua Việt Nam tìm việc làm và nhập cảnh trái phép bằng đường bộ vào Việt Nam qua đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc, bị cáo T chở họ trên lãnh thổ Việt Nam.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Do đó, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là còn nghiêm khắc so với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[3] Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà Nước về xuất cảnh, nhập cảnh, gây mất an ninh trật tự trong công tác quản lý người nước ngoài. Bị cáo nhận thức được việc vận chuyển người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật như phải có hộ chiếu, visa... nhưng vì lợi ích vật chất nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander do bị cáo đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự thì phương tiện dùng vào việc phạm tội sẽ bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, qua điều tra xác định, chiếc xe này do bị cáo và vợ là bà Trần Thị Thu H vay tiền của Ngân hàng TMCP V để mua xe và thế chấp chính chiếc xe này cho ngân hàng. Chiếc xe này là tài sản chung của bị cáo và bà Trần Thị

Thu H trong thời kỳ hôn nhân. Theo kết luận định giá trong tố tụng hình sự thì chiếc xe ô tô biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander có giá trị thực là 355.000.000 đồng. Xét để bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng đối tài sản thế chấp nên trả lại chiếc xe cho bà Trần Thị Thu H quản lý để tiếp tục thanh toán các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà H phải nộp lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe với số tiền 177.500.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại hiệu S A34 5G, màu xanh lá và 01 điện thoại hiệu Oppo A76, màu đen thu giữ của Nguyễn Trung T, đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về lời khai của bị cáo Nguyễn Trung T, bị cáo có khoảng 10 lần điều khiển xe ô tô biển số 77E-005.73 chở khoảng 30 người Trung Quốc đi từ tỉnh Bình Dương (không xác định được thời gian và địa điểm cụ thể) đến khu vực Cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh giao cho người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại 0388760037 theo yêu cầu của “Cherry” và hưởng lợi 8.000.000 đồng tiền công từ tài khoản Ngân hàng V2 số 0972233787 do Đặng Ngọc H3 đứng tên chủ tài khoản chuyển cho T. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh những người khách T chở trước ngày 11/6/2025 là người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[8] Đối với Chen Q1, Zhang S, L, Feng Bin B1, Zhao Y có hành vi vi phạm hành chính “Qua biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định pháp luật”. Ngày 24/7/2025, Cục Q4 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và trục xuất khỏi Việt Nam, là có căn cứ.

[9] Đối với anh Đỗ Đình M, anh Nguyễn Đức B là lái xe ô tô khách biển số 36H-108.10 không biết 06 khách người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Trung T nên Cơ quan An ninh điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với Đặng Ngọc H3 sử dụng tài khoản Ngân hàng V2 số 0972233787 chuyển tiền cho Nguyễn Trung T để trả tiền công chở người Trung Quốc đi từ tỉnh Bình Dương đến Cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng H3 không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[12] Đối với người sử dụng số điện thoại 0332068245 liên hệ với T đến nhà xe T để đón 06 người Trung Quốc chở đi cửa khẩu M1. Kết quả xác minh số điện thoại trên do Bùi Đình T4, sinh năm 2002, nơi thường trú: thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa đứng tên sử dụng. Hiện T4 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[13] Đối với người sử dụng số điện thoại 0388760037 do T liên hệ người đàn ông để đón khách là người Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu M, kết quả xác minh số điện thoại trên do Ngô Thị Q2, sinh năm 1972, nơi thường trú: thôn Đ, xã K, tỉnh Lạng Sơn đăng ký thuê bao. Kết quả làm việc, bà Q2 không đăng ký số thuê bao trên và không đăng ký cho ai sử dụng số thuê bao trên.

[14] Đối với đối tượng sử dụng tài khoản Telegram “Cherry” liên hệ với Nguyễn Trung T để yêu cầu T chở 06 người Trung Quốc. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2025.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại hiệu S A34 5G, màu xanh. Tại thời giao nhận không niêm phong (tình trạng: không lên nguồn).

01 điện thoại hiệu Oppo A76, màu đen. Tại thời giao nhận không niêm phong (tình trạng: không lên nguồn).

- Giao trả cho bà Trần Thị Thu H 01 xe ô tô (07 chỗ) biển kiểm soát 77E-005.73, hiệu Mitsubishi, loại Xpander dung tích 1499CC màu trắng. Tại thời điểm giao nhận xe còn hoạt động. Kèm theo Kết luận giám định số 3744/KL-KTHS ngày 31/7/2025 của Phòng K Công an Thành phố H.

- Buộc bà Trần Thị Thu H phải nộp lại số tiền 177.500.000 (một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2026).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16-TP.Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Trại tạm giam số 2, Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- Phòng THADS Khu vực 16-TP.Hồ Chí Minh (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (cấp Lý lịch tư pháp) (01);
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Sỹ Trứ